

**BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /BCĐ-VPBCĐ

Kiên Giang, ngày 08 tháng 8 năm 2019

V/v cung cấp số liệu dân số cấp huyện, cấp xã

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

VĂN PHÒNG HĐND-UBND H. HON DAT

Số: 1081
ĐẾN Ngày: 12/8
Chuyển: W.M.D.TM
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở
Các huyện, thành phố.

Thực hiện Phương án Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 15/8/2018 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, Báo cáo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là Tổng điều tra năm 2019) đã được công bố vào ngày 11/7/2019.

Căn cứ vào công văn số 83/BCĐTW-VPBCĐTW, ngày 31/7/2019 về việc cung cấp số liệu dân số cấp huyện, xã trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019. Để phục vụ kịp thời công tác sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 – 2021, sử dụng cho công tác quản lý và điều hành tại địa phương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh (viết tắt là BCĐ) thông báo tới Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở huyện, thành phố các biểu số liệu:

(1) Dân số theo báo cáo kết quả sơ bộ của Tổng điều tra năm 2019 đến cấp huyện, cấp xã (có file kèm theo)

(2) Số hộ dân cư chia theo địa bàn điều tra của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Bảng số liệu được đăng tải trên Trang Web điều hành tác nghiệp của Tổng điều tra (có file kèm theo).

Trong quá trình sử dụng số liệu, nếu có vấn đề phát sinh, đề nghị liên lạc với Văn phòng BCĐ tỉnh theo số điện thoại: 02973.812464. / G

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục Thống kê huyện, thành phố;
- Đ/c Trưởng ban BCĐ tỉnh (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, VP BCĐ.



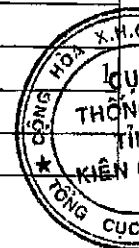
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thanh Xuân

SỐ HỘ CÓ ĐẾN 01/4/2019
PHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ LOẠI HỘ
 (Kèm theo công văn số 19 /BCĐ-VPBCĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2019)

Đơn vị tính: Hộ

Mã	Tên	Tổng số hộ	Số hộ thường	Số hộ đặc thù	Số hộ chết cả hộ
903	Huyện Hòn Đất	41.938	41.802	133	3
30817	Thị trấn Hòn Đất	3.526	3.486	40	
30820	Thị trấn Sóc Sơn	4.158	4.148	10	
30823	Xã Bình Sơn	3.848	3.822	26	
30826	Xã Bình Giang	3.983	3.978	5	
30828	Xã Mỹ Thái	971	971		
30829	Xã Nam Thái Sơn	2.913	2.911	1	1
30832	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3.621	3.590	31	
30835	Xã Sơn Kiên	2.995	2.995		
30836	Xã Sơn Bình	2.107	2.105	1	1
30838	Xã Mỹ Thuận	1.826	1.825	1	
30840	Xã Linh Huỳnh	2.345	2.344	1	
30841	Xã Thổ Sơn	3.832	3.826	5	
30844	Xã Mỹ Lâm	4.445	4.433	12	
30847	Xã Mỹ Phước	1.368	1.368		



**DÂN SỐ CÓ ĐẾN 01/4/2019 PHÂN THEO GIỚI TÍNH, THÀNH THỊ/NÔNG THÔN
VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo công văn số 19/BCĐ-VPBCĐ, ngày 08 tháng 8/2019)

Đơn vị tính: Người

Mã	Tên	Chung	Phân theo thành thị, nông thôn		Phân theo giới tính	
			Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
903	Huyện Hòn Đất	156.273	28.495	127.778	79.653	76.620
30817	Thị trấn Hòn Đất	12.574	12.574	-	6.281	6.293
30820	Thị trấn Sóc Sơn	15.921	15.921	-	8.043	7.878
30823	Xã Bình Sơn	14.089	-	14.089	7.150	6.939
30826	Xã Bình Giang	14.905	-	14.905	7.707	7.198
30828	Xã Mỹ Thái	3.574	-	3.574	1.853	1.721
30829	Xã Nam Thái Sơn	10.809	-	10.809	5.470	5.339
30832	Xã Mỹ Hiệp Sơn	12.626	-	12.626	6.557	6.069
30835	Xã Sơn Kiên	11.053	-	11.053	5.549	5.504
30836	Xã Sơn Bình	8.448	-	8.448	4.258	4.190
30838	Xã Mỹ Thuận	6.442	-	6.442	3.338	3.104
30840	Xã Linh Huỳnh	9.379	-	9.379	4.828	4.551
30841	Xã Thổ Sơn	14.106	-	14.106	7.256	6.850
30844	Xã Mỹ Lâm	17.588	-	17.588	8.922	8.666
30847	Xã Mỹ Phước	4.759	-	4.759	2.441	2.318



